

KHẢO SÁT HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC NĂM 2019-2020 CỦA SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY KHÓA 45 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Nguyễn Văn Tín, Trần Kiều Anh, Nguyễn Quốc Huy, Trần Minh Cường,
Nguyễn Thanh Dương, Đỗ Thị Cẩm Hồng, Trịnh Minh Thiết,
Đoàn Thị Thùy Trân, Phạm Thị Ngọc Nga*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: nguyenvantin12011@gmail.com*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Bằng hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên cần phải có phương pháp học tập chủ động và hoạt động tự học sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát hoạt động tự học trong năm học 2019-2020 của sinh viên hệ chính quy năm thứ hai. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên tổng số 500 sinh viên hệ chính quy thuộc 8 ngành đào tạo khóa 45 Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Kết quả:** Về kỹ năng tự học: sinh viên học tập thông qua Internet, 66,2% và hoàn thành đầy đủ bài tập tự học được giao, 81,6%. Các kỹ năng khác còn khá thấp, đặc biệt kỹ năng đọc hiểu tài liệu tiếng nước ngoài chỉ đạt 16,6%. Về phương pháp tự học: chủ yếu là học theo trọng tâm bài giảng được giảng viên nhấn mạnh, 63,2%; trao đổi, thảo luận cùng bạn bè, 59,6%. Về hình thức tự học: học qua giáo trình là chủ yếu, 79,6%; học trên Internet, 55%. Sinh viên phần lớn thích học một mình, 56,2%. Thời gian tự học mỗi ngày từ 2-4 giờ chiếm lệ cao nhất, 48%. Địa điểm tự học chủ yếu là tại nhà, 54,2% và 54,2% hoạt động tự học của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi phương pháp giảng dạy, 54,6% khác bị ảnh hưởng bởi nội dung môn và chương trình học. **Kết luận:** Phần lớn sinh viên hoàn thành tốt việc tự học được giao mà chưa chủ động, hoàn thành hoạt động tự học từ cá nhân, cũng như chưa khai thác tốt các cơ sở vật chất hỗ trợ cho việc tự học từ trường.

Từ khóa: hoạt động tự học, sinh viên khóa 45

ABSTRACT

**SELF-STUDY ACTIVITIES OF FULL-TIME STUDENTS COURSE 45
OF CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY
IN 2019-2020**

*Nguyen Van Tin, Tran Kieu Anh, Nguyen Quoc Huy, Tran Minh Cuong,
Nguyen Thanh Duong, Trinh Minh Thiet, Doan Thi Thuy Tran, Pham Thi Ngoc Nga*
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: By using the training method according to the credit system, students need to have an active learning method since self-study activities have an affect directly on their learning results. **Objective:** to survey of the self-study activities from 2019 to 2020 of second-year regular students. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was executed based on a total of 500 regular students from course 45 in 8 majors of Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Results:** Regarding self-study skills, students learned by making use of the internet, 66.2% and entirely complete assigned self-study exercises, 81.6%. The other remains was quite low, especially the ability to read and understand foreign language documents was only 16.6%. Regarding the self-study method: mainly learning according to focusing on the parts of the lecture emphasized by the lecturer was 63.2%; sharing, discussing with friends was 59.6%. Regarding the form of self-study: learning by textbooks was the main thing, 79.6%; learning on the Internet was 55%. Students mostly preferred to study alone, 56.2%. Daily self-study time from 2-4 hours accounted for the highest proportion, 48%. Self-study places were mainly at home, 54.2% and 54.2% of students' self-study activities were influenced over teaching methods, 54.6% others were affected by subject content and learning programs. **Conclusion:** Most of the students successfully completed the assigned self-study but were not active to complete self-study activities by themselves, nor they well make use of the supporting facilities for self-study from the school.

Keywords: self- study activities, students from course 45.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ những năm 70 của thế kỷ XX, thuật ngữ “tự học” đã bắt đầu nhận được nhiều sự quan tâm của những nhà nghiên cứu. Xã hội càng phát triển, tầm quan trọng của vấn đề tự học càng được nâng cao và được chú ý [3]. Theo xu thế phát triển của giáo dục đại học, từ năm 2013, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (CTUMP) đã chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Theo hình thức đào tạo này, gấp đôi số thời gian giảng viên lên lớp chính là khoảng thời gian sinh viên cần dành cho tự học. Ngoài ra để hoàn thành chương trình học, sinh viên còn cần cả thời gian cho các hoạt động khác như: tự nghiên cứu, hoạt động xã hội,... Nếu mỗi sinh viên không tích cực và tự giác trong việc thực hiện các hoạt động tự học, tự nghiên cứu sẽ khó đáp ứng được yêu cầu học tập theo hệ thống tín chỉ. Từ đó dẫn đến thiếu hụt lượng kiến thức, kỹ năng cần thiết trong từng học phần cũng như toàn bộ chương trình đào tạo của ngành học. Như vậy, việc quản lí và nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên là cần thiết.

Sinh viên hệ chính quy năm thứ hai (K45) là đối tượng đã hoàn thành năm học đầu tiên tại Trường. Nhằm đánh giá hoạt động tự học của nhóm sinh viên này và từ đó cung cấp dữ liệu khoa học cho nhà trường để có giải pháp nâng cao hơn nữa khả năng tự học cũng như chất lượng dạy, học, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: Khảo sát hoạt động tự học năm 2019-2020 của sinh viên hệ chính quy khóa 45 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên hệ chính quy K45 đang học năm thứ hai tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Sinh viên trúng tuyển tại Trường ĐHYDCT năm học 2019-2020, theo thông báo số: 1067/TB-ĐHYDCT, ngày 08/09/2019, bao gồm 8 ngành: Y đa khoa; Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Dược học; Điều dưỡng; Răng hàm mặt; Kỹ thuật xét nghiệm Y học; Y tế công cộng.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên không đồng ý tham gia khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: tính theo công thức:

$$n = \frac{Z^2 \times p \times (1 - p)}{d^2}$$

Với độ tin cậy 95% ($Z=1,96$); $p = 0,5$ (cho cỡ mẫu tối ưu); sai số cho phép 5% ($d = 0,05$). Cỡ mẫu $n = 384$ và để nghiên cứu có độ tin cậy cao và dự phòng phiếu khảo sát không đạt yêu cầu do các yếu tố khách quan, nghiên cứu chọn cỡ mẫu, $n=500$. Các đối tượng được chọn mẫu ngẫu nhiên theo hệ thống là các ngành học với khoảng cách $k = 2$

Nội dung nghiên cứu

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: ngành học, giới tính, nhóm tuổi, học lực, trình độ ngoại ngữ.

Hoạt động tự học năm học 2019-2020 của sinh viên hệ chính quy năm thứ hai, khóa 45 Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, bao gồm: kỹ năng, phương pháp, hình thức, thời gian, địa điểm tự học và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên đã diễn ra trong năm học 2019-2020, cũng là năm đầu tiên học tập tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Với mỗi hoạt động, sinh viên được đánh giá ở 3 mức độ:

- Mức 1: Thường xuyên, tần suất thực hiện đều đặn từ 5-7 ngày/tuần.
- Mức 2: thỉnh thoảng, tần suất thực hiện từ 3-4 ngày/tuần
- Mức 3: Ít khi, tần suất thực hiện chỉ từ 0-2 ngày/tuần

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Số liệu được nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập bằng phiếu khảo sát. Kết quả được xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1: Đặc điểm ngành học của đối tượng nghiên cứu

TT	Ngành học	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Y khoa	226	45,2
2	Răng – Hàm – Mặt	40	8,0
3	Y học cổ truyền	42	8,4
4	Y học dự phòng	40	8,0
5	Dược học	44	8,8
6	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	50	10,0
7	Điều dưỡng	42	8,4
8	Y tế công cộng	16	3,2
	Tổng cộng	500	100

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu là sinh viên ở đủ 8 ngành học tham gia nghiên cứu, số lượng nhiều nhất là Y khoa với 226 (45,2%) sinh viên, ít nhất là Y tế công cộng với 16 (3,2%) sinh viên.

Bảng 2: Một số đặc điểm khác của đối tượng nghiên cứu

TT	Đặc điểm		Số lượng (n=500)	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính	Nữ	290	58
		Nam	210	42
2	Nhóm tuổi	≤ 20 tuổi	366	73,2
		> 20 tuổi	134	26,8
3	Học lực năm thứ nhất	Giỏi – Xuất sắc	94	18,8
		Khá	294	58,8
		Trung bình – Yếu	112	22,4

Nhận xét: Số lượng sinh viên nữ (58%) chiếm tỉ lệ cao hơn nam (42%). Đa số sinh viên thuộc nhóm tuổi ≤ 20 tuổi. Phần lớn sinh viên đạt học lực năm thứ nhất từ khá trở lên (77,6%).

3.2. Hoạt động tự học của sinh viên chính quy khóa 45

3.2.1. Kỹ năng tự học

Bảng 3: Các kỹ năng tự học của sinh viên

TT	Kỹ năng tự học	Mức 1	Mức 2	Mức 3
		n (%)	n (%)	n (%)
1	Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết việc học	112 (22,4)	213 (42,6)	175 (35,0)
2	Tham khảo, nghiên cứu tài liệu	92 (18,4)	233 (46,6)	175 (35,0)
3	Đọc, hiểu tài liệu tiếng nước ngoài	83 (16,6)	99 (19,8)	318 (63,6)
4	Hệ thống, tóm tắt lại bài học	164 (32,8)	183 (36,6)	153 (30,6)
5	Tìm kiếm thông tin trên Internet	331 (66,2)	97 (19,4)	72 (14,4)
6	Hoàn thành đầy đủ bài tập tự học được giao	408 (81,6)	48 (9,6)	44 (8,8)
	Tổng trung bình	198,3 (39,7)	145,5 (29,1)	156,2 (31,2)

Nhận xét: Hầu hết sinh viên thường xuyên tìm kiếm thông tin học tập trên Internet (66,2%), hoàn thành đầy đủ bài tập tự học được giao (81,6%). Tỉ lệ sinh viên thường xuyên đọc hiểu tài liệu tiếng nước ngoài (16,6%); tham khảo, nghiên cứu tài liệu (18,4%) còn thấp.

3.2.2. Phương pháp tự học

Bảng 4: Các phương pháp tự học của sinh viên

TT	Phương pháp tự học	Mức 1	Mức 2	Mức 3
		n (%)	n (%)	n (%)
1	Đọc lướt qua giáo trình trước khi lên giảng đường.	170 (34,0)	215 (43,0)	115 (23,0)
2	Nghiên cứu bài trong giáo trình và tham khảo thêm tài liệu trước khi lên giảng đường.	85 (17,0)	205 (41,0)	210 (42,0)
3	Kết hợp ghi chép trên lớp với giáo trình và tài liệu tham khảo khi học bài.	218 (43,6)	154 (30,8)	128 (25,6)
4	Học bài theo trọng tâm bài giảng được giảng viên nhấn mạnh.	311 (63,2)	115 (23,0)	74 (14,8)
5	Học bài đã soạn lại và hệ thống lại	193 (38,6)	179 (35,8)	128 (25,6)
6	Hỏi lại thầy cô khi thắc mắc hoặc không hiểu rõ.	80 (16,0)	192 (38,4)	228 (45,6)
7	Trao đổi, thảo luận cùng bạn bè.	298 (59,6)	129 (25,8)	73 (14,6)
	Tổng trung bình	193,6 (38,71)	169,9 (33,97)	136,5 (27,31)

Nhận xét: Phần lớn sinh viên thường xuyên học tập theo trọng tâm bài giảng được giảng viên nhấn mạnh (63,2%). Tỷ lệ sinh viên thường xuyên nghiên cứu bài học trước khi lên giảng đường (17%); hỏi lại thầy cô khi có thắc mắc hoặc không hiểu rõ (16%) còn thấp.

3.2.3. Hình thức tự học

Bảng 5: Các hình thức tự học của sinh viên

TT	Hình thức tự học	Mức 1	Mức 2	Mức 3
		n (%)	n (%)	n (%)
1	Học qua giáo trình.	398 (79,6)	68 (13,6)	34 (6,8)
2	Học qua các ghi âm, ghi hình	154 (30,8)	182 (36,4)	164 (32,8)
3	Học qua tài liệu trên Internet.	275 (55,0)	132 (26,4)	93 (18,6)
4	Học độc lập một mình.	281 (56,2)	120 (24,0)	99 (19,8)
5	Học nhóm với bạn bè.	191 (38,2)	205 (41,0)	104 (20,8)
Tổng trung bình		259,8 (37,11)	141,4 (20,2)	98,8 (14,11)

Nhận xét: Hình thức học tập chiếm tỷ lệ cao nhất là học qua giáo trình (79,6%) và hình thức học độc lập một mình (56,2%).

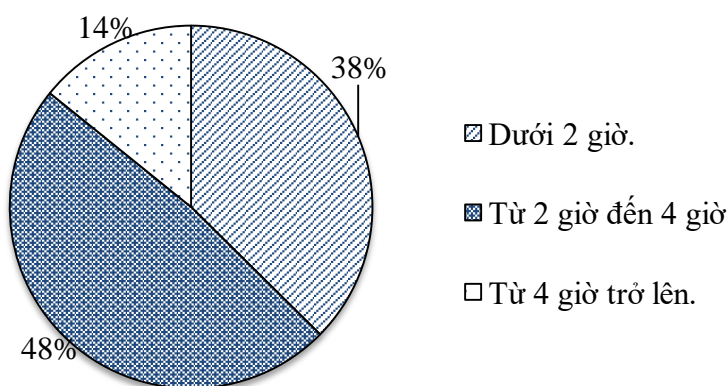
3.2.4. Yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tự học của sinh viên

Bảng 6: Yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tự học của sinh viên

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức 1	Mức 2	Mức 3
		n (%)	n (%)	n (%)
1	Phương pháp giảng dạy.	271 (54,2)	131(26,2)	98 (19,6)
2	Cơ sở vật chất (thư viện, khu tự học...).	223 (44,6)	142(28,4)	135 (27,0)
3	Nội dung môn học và chương trình học.	273 (54,6)	130(26,0)	97 (19,4)
4	Khác.	72 (14,4)	107(21,4)	321 (64,2)
Tổng trung bình		167,8 (23,97)	102 (14,57)	130,2 (18,6)

Nhận xét: Các yếu tố ảnh hưởng nhiều đến khả năng tự học của sinh viên là phương pháp giảng dạy (54,2%), nội dung môn học và chương trình học (54,6%).

3.2.5. Thời gian tự học mỗi ngày của sinh viên



Biểu đồ 1: Thời gian tự học mỗi ngày của sinh viên

Nhận xét: Thời gian sinh viên tự học từ 2–4 giờ/1 ngày chiếm tỷ lệ cao nhất (48%).

3.2.6. Địa điểm tự học của sinh viên

Bảng 7: Một số địa điểm tự học của sinh viên

TT	Địa điểm	Số lượng (n=500)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà (phòng trọ)	271	54,2
2	Quán cà phê	121	24,2
3	Khu tự học	56	11,2
4	Thư viện	41	8,2
5	Khuôn viên trường	6	1,2
6	Khác	5	1

Nhận xét: Địa điểm tự học của sinh viên chiếm tỷ lệ cao nhất là học tại nhà (54,2%). Tỷ lệ sinh viên tự học tại Trường (khu tự học, thư viện, khuôn viên trường...) còn thấp.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Theo kết quả ở bảng 1, số liệu sinh viên các ngành khác nhau là do sĩ số của mỗi ngành không tương đồng và với cách chọn mẫu ngẫu nhiên theo các ngành học nên ngành có số lượng càng nhiều, sinh viên được chọn nghiên cứu sẽ nhiều hơn. Cụ thể: Y đa khoa có đến 226 sinh viên, Răng – Hàm – Mặt có 40 sinh viên và ít nhất là Y tế công cộng có 16 sinh viên.

Kết quả ở bảng 2, về giới tính: có 290 nữ, chiếm 58%; nam có 210, chiếm tỷ lệ 42%. Tỷ lệ sinh viên >20 tuổi chiếm tỷ lệ 26,8% cho thấy có một bộ phận sinh viên không trúng tuyển ở lần thi đầu tiên vẫn có quyết tâm thi lại vào Trường các năm sau đó. Kết quả học tập từ khá trở lên ở năm thứ nhất với chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ chiếm tỷ lệ 77,6% so với nghiên cứu của Trần Linh Phong năm 2011 là 87,2% [4], là một kết quả đáng khích lệ bởi khi chuyển từ học tập ở bậc phổ thông sang bậc đại học, lấy việc tự học của sinh viên là yếu tố hàng đầu nên sinh viên chưa kịp thích nghi ngay.

4.2. Hoạt động tự học của sinh viên hệ chính quy khóa 45

4.2.1. Kỹ năng tự học

Dựa vào kết quả kỹ năng tự học ở bảng 3, nghiên cứu ghi nhận, đa số sinh viên hoàn thành tốt bài tập tự học được giao (81,6%) cũng như tìm kiếm thông tin học tập trên Internet (66,2%), có lẽ do ngày nay sinh viên rất dễ dàng tiếp cận Internet nên thông qua đó việc tìm kiếm và tham khảo tài liệu học tập trên Internet trở nên thuận tiện hơn. Ngoài ra, còn có các nhóm học tập và chia sẻ kinh nghiệm từ các sinh viên khóa trước cũng góp phần giúp đỡ sinh viên những khóa mới dễ dàng hòa nhập hơn. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên thường xuyên tham khảo thêm tài liệu tiếng nước ngoài còn thấp (16,6%), kết quả này phần nào cũng phản ánh trình độ ngoại ngữ hạn chế. Trong nghiên cứu chỉ có 5,2% sinh viên có trình độ ngoại ngữ tốt mà thôi. Ngoài ra, do mới chuyển từ học phổ thông lên bậc đại học phần lớn sinh viên chưa có thói quen trong việc tham khảo, sử dụng tài liệu tiếng nước ngoài trong việc học tập. Kết quả nghiên cứu phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Quang Vinh [8]. Qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi thấy sinh viên cần nâng cao kỹ năng tự học cũng như khả năng ngoại ngữ vì đó là điều kiện thiết yếu cho việc nâng cao kết quả học tập và đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các năm học sau.

4.2.2. Phương pháp tự học

Kết quả về phương pháp tự học được trình bày ở bảng 4, phần lớn sinh viên đã có các phương pháp tự học tích cực như: thường xuyên học tập theo trọng tâm bài giảng

(63,2%); trao đổi, thảo luận cùng bạn bè (59,6%); kết hợp nội dung ghi chép trên lớp với giáo trình và tài liệu tham khảo khi học bài (43,6%). Kết quả trên phù hợp với nghiên cứu của Đinh Thị Hoa năm 2019 [1]. Tuy nhiên, sinh viên chưa thật sự tích cực trong việc nghiên cứu bài học trước khi lên giảng đường (17%) cũng như hỏi lại giảng viên khi gặp thắc mắc hoặc vấn đề không rõ (16%) dẫn đến không nắm bắt kỹ nội dung bài học, do đó tự học kém hiệu quả hay sai lệch kiến thức. Từ kết quả trên cho thấy, giảng viên nên chú trọng hơn trong việc nhấn mạnh điểm mấu chốt của bài học và gợi mở nhiều vấn đề hơn để sinh viên có thể dựa vào đó tự nghiên cứu. Ngoài ra, giảng viên nên có thêm những biện pháp tích cực, khuyến khích sinh viên mạnh dạn đưa ra thắc mắc, cùng thảo luận, cùng giải đáp, từ đó nâng cao năng lực của sinh viên.

4.2.3. Hình thức tự học

Số liệu về hình thức tự học được ghi nhận ở bảng 5 cho thấy đa số sinh viên học tập thông qua nguồn tài liệu là giáo trình (chiếm 79,6%). Một phần sinh viên học tập qua các tài liệu học tập tìm kiếm được trên Internet (chiếm 55%) hoặc thông qua các đoạn ghi âm, ghi hình (chiếm 30,8%) nhằm nắm chắc hơn những gì thầy cô đã hướng dẫn, giảng dạy trong lớp. Qua đó thấy được một phần sinh viên đã ý thức được việc tham khảo và tự nghiên cứu tài liệu liên quan, đây là tiền đề tốt để phát huy năng lực chuyên môn sau này.

Tuy nhiên, có thể do ảnh hưởng từ các cấp học dưới, chưa nhiều sinh viên chưa có thói quen trong việc học nhóm với bạn bè (38,2%) trong khi tỉ lệ sinh viên chọn học độc lập một mình vẫn còn khá cao (56,2%). Kết quả nghiên cứu phù hợp với nghiên cứu của Tạ Thị Thu Huệ năm 2020 [2]. Điều này cho thấy sinh viên vẫn chưa phối hợp hài hòa giữa việc học một mình với học theo nhóm – một hình thức học tập rất cần thiết của sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe.

4.2.4. Yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tự học của sinh viên

Theo kết quả ở bảng 6, phần lớn sinh viên cho rằng việc tự học của bản thân thường xuyên bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như phương pháp giảng dạy (chiếm 54,2%), cơ sở vật chất như thư viện, khu tự học (chiếm 44,6%) và nội dung, chương trình môn học (chiếm 54,6%). Kết quả trên hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Phạm Văn Tuấn [7]. Điều này có thể do các nguyên nhân khách quan tác động làm cho sinh viên chưa tích cực tự học như giảng viên thiếu sự quan tâm, kiểm tra, động viên, khích lệ sinh viên trong việc tự học hoặc do đặc thù nội dung chương trình năm thứ nhất là nhiều môn đại cương với khối lượng kiến thức lý luận lớn nên việc tiếp thu khó, dẫn đến giảm hứng thú của sinh viên trong việc tự học.

4.2.5. Thời gian tự học mỗi ngày của sinh viên

Kết quả được trình bày ở biểu đồ 1 cho thấy hầu hết sinh viên dành thời gian cho việc tự học mỗi ngày dưới 4 giờ (86%), trong đó tỷ lệ sinh viên tự học từ 2–4 giờ chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 48% và chỉ 14% sinh viên tự học trên 4 giờ mỗi ngày. Kết quả trên phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Cảnh Toàn [5], [6]. Lý do có thể đến từ chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đây là hình thức đào tạo hoàn toàn mới đối với sinh viên khi bước vào đại học nên sinh viên còn bỡ ngỡ và mất nhiều thời gian để thích nghi. Những bạn có thời gian tự học ít (dưới 4 giờ mỗi ngày) có thể do ngoài thời gian học trên lớp, các bạn còn có những hoạt động khác như tham gia các câu lạc bộ của trường lớp, đi làm thêm, phụ giúp gia đình, hoặc chỉ bởi vì lười học.

4.2.6. Địa điểm tự học của sinh viên

Phần lớn, không gian tự học thường xuyên mà sinh viên chọn là tại nơi ở của sinh viên như phòng trọ, nhà riêng hoặc các quán cà phê với tổng tỷ lệ 78,4%. Một số sinh viên

chọn tự học tại thư viện và các khu tự học nhưng với tỉ lệ không cao, chỉ đạt 19,4%. Điều này có thể do sinh viên vẫn chưa hình thành được thói quen học tập ở thư viện, khu tự học hoặc do bản thân sinh viên có sở thích tự học ở nhà hay quán cà phê để có thể trao đổi thoải mái hơn. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Quang Vinh [8].

V. KẾT LUẬN

Qua khảo sát 500 sinh viên hệ chính quy K45 về hoạt động tự học, nghiên cứu ghi nhận: Về kỹ năng tự học: sinh viên hoàn thành đầy đủ bài tập tự học được giao, 81,6% và thích học tập thông qua Internet, 66,2%. Về phương pháp tự học: chủ yếu là học theo trọng tâm bài giảng được giảng viên nhấn mạnh, 63,2%; trao đổi, thảo luận cùng bạn bè, 59,6%, các phương pháp còn lại đạt tỷ lệ từ 17% đến 43,6%. Về hình thức tự học: học qua giáo trình là chủ yếu, 79,6%; học trên Internet, 55%. Sinh viên phần lớn thích học một mình, 56,2%. Thời gian tự học mỗi ngày từ 2-4 giờ chiếm lệ cao nhất, 48%. Địa điểm tự học chủ yếu là tại nhà, 54,2% và 54,2% hoạt động tự học của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi phương pháp giảng dạy, 54,6% khác bị ảnh hưởng bởi nội dung môn và chương trình học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Thị Hoa, Lê Hồng Phương, Đinh Thành Công (2019), *Tự học và một số yêu cầu về tự học của sinh viên đáp ứng hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10/2019, tr. 178-181.
2. Tạ Thị Thu Huệ (2020), *Thực trạng tự học của sinh viên học viện cảnh sát nhân dân*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt tháng 4/2020, tr 242-245
3. Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Văn Hiến, Phương Diễm Hương (2014), *Thực trạng kỹ năng tự học ngoài lớp học của sinh viên chính quy sư phạm Trường Đại học sư phạm TP. HCM*, Tạp chí khoa học ĐHSP TPHCM, tr 88-99.
4. Trần Linh Phong (2011), *Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp học tập đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh*, Tạp chí khoa học – Đại học Trà Vinh, tr.43-49.
5. Nguyễn Cảnh Toàn (2001), *Tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Trung tâm ngôn ngữ văn hóa Đông Tây, tr. 80.
6. Nguyễn Cảnh Toàn (2008), *Con đường tự học còn lắm gian nan*, Tạp chí Giáo dục và thời đại, số 8, tr 12-13.
7. Phạm Văn Tuấn (2014), *Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học An giang, tr 106-112.
8. Nguyễn Quang Vinh (2013), *Một số giải pháp quản lý hoạt động tự học của sinh viên Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Vinh, tr. 38-47.

(Ngày nhận bài: 03/9/2021 – Ngày duyệt đăng: 26/10/2021)
